

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất và Bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản
bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Bé Sáu;

Ông Phạm Thủy Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Huỳnh H (tự là S), sinh năm 1952; Cư trú tại: khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1953; Cư trú tại: khóm A, phường T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Dương Ngọc H, sinh năm 1955; Cư trú tại: khóm A, phường T, thị xã H, Đồng Tháp.

3.2. Ông Trương Văn T, sinh năm 1946; Cư trú tại: Đường Nguyễn H, khóm E, phường T, thị xã H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ông Cao Huỳnh H trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha ông tên Cao Huỳnh D cho ông diện tích đất là 1.002m^2 , tại thửa số 598, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại phường L, thị xã H, Đồng Tháp (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông đã bị thất lạc). Nhưng ông có chứng cứ các giấy tờ có liên quan như biên bản làm việc của địa chính xã và tờ lập lại giấy nhượng đất bị thất lạc. Đến năm 1985 bà Nguyễn Thị A1 có mua lại phần đất của ông Nguyễn Văn S (cấp ranh đất của ông H), chiều dài khoảng 20m, chiều ngang 4m, tổng diện tích 80m^2 . Năm 2006, bà Nguyễn Thị A1 làm đơn thưa gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự (nay là thị xã H) cho rằng phần đất ông đang quản lý, sử dụng là đất của bà Nguyễn Thị A1. Ngày 01/10/2006, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số: 2572/QĐ-UBND buộc ông giao cho bà Nguyễn Thị A1 diện tích 54m^2 thuộc thửa số 598, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã T, huyện H (nay là phường L, thị xã H).

Quyết định này của Ủy ban nhân dân huyện H đã làm thiệt thòi đến quyền lợi của ông do cán bộ đo đạc lấy mốc không đúng vị trí khiến phần đất của ông bị cắt làm 02 mảnh làm cho ông bị mất đất. Vì thế ngay sau khi nhận được Quyết định số: 2572/QĐ-UBND, vào tháng 10 năm 2016, ông Hôn có làm đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân huyện H (trước đây) nhưng cũng không được giải quyết. Sau đó, ông có đến phòng tiếp dân của Ủy ban nhân dân thị xã H để hỏi, nhưng ông được trả lời là đơn của ông đã qua thời hạn khiếu nại. Sau khi đã lấy 54m^2 đất của ông theo Quyết định số 2572/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện H, bà A1 và bà A còn tự động lấn chiếm thêm diện tích $41,8\text{m}^2$ đất của ông diện tích chiều ngang 3,8m chiều dài 11m. Ngoài ra, bà A1 và bà A còn đốn hạ 05 (năm) cây gáo và 01 (một) cây me tây nằm trên phần diện tích đất $41,8\text{m}^2$ đất của ông Hôn. Hiện nay, bà Nguyễn Thị A1 đã chết, bà A1 không chồng, không con. Bà Nguyễn Thị Ngọc A là người thừa kế tài sản duy nhất do bà A1 để lại, nên nay ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc A giao trả lại cho ông phần diện tích đất mà bà A1, sau này là bà A đã lấn chiếm của ông diện tích theo đo đạc thực tế là $41,0\text{m}^2$, thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 4 (theo mảnh trích đo địa chính số: 74-2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H). Đồng thời ông H yêu cầu bà A phải bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ về việc bà Nguyễn Thị A1 và Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã đốn hạ trái phép 06 cây gáo và 01 cây me tây của ông. Ngoài các yêu cầu trên ông H khẳng định không có yêu cầu nào

khác hay bổ sung gì thêm cho đến khi kết thúc vụ kiện và cũng không yêu cầu ai khác ngoài bà Nguyễn Thị Ngọc A.

- *Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp bà đang sử dụng là của di sản bà là bà Nguyễn Thị A1 mua vào năm 1971 để làm nền mã cho ông bà của bà có diện tích chiều ngang 15m, chiều dài 39,47m, tổng diện tích là 592,0m² có vị trí từ mã ông Quang Văn T và ông Huỳnh Long K đến ấp Chiến Lược ngày xưa nay là đường nước ruộng. Tại các thửa đất bao gồm: thửa số 203, tờ bản đồ số 13; thửa số 771, tờ bản đồ số 4; thửa số 768, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp. Sau khi mua thì đến năm 2006 di sản bà mới tu bổ và sửa sang lại cho hoàn chỉnh để chôn cất ông bà. Năm 2014 thì di sản bà là bà A1 chết (bà A1 không có chồng và cũng không có con), để lại cho bà thừa kế phần diện tích đất có chiều ngang 15m chiều dài 39,47m, tổng diện tích là 592,0m², tại các thửa số 203, tờ bản đồ số 13; thửa số 771, tờ bản đồ số 4; thửa số 768, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp. Sau khi bà được thừa kế phần đất này thì bà sử dụng ổn định cho đến nay, không có ai tranh chấp hay ngăn cản.

Đến năm 2016 thì ông H tranh chấp đòi lại đất vì ông H cho rằng bà chiếm đất của ông tổng diện tích 41,8m², ông H yêu cầu bà phải trả lại cho ông diện tích đất nói trên là không đúng vì khi di sản bà mua và tới khi bà được thừa kế của di sản bà phần diện tích đất này, được cấp quyền sử dụng đất không ai tranh chấp và cũng không ai ngăn cản. Đối với việc ông H yêu cầu bà phải bồi thường cây gạo, cây me tây, cũng như phần diện tích đất có chiều ngang 3,8m, chiều dài 11m, tổng diện tích là 41,8m² thì bà không thống nhất vì đất ở tại vị trí ông H nói là đất của bà đã có từ trước đến nay. Cho nên bà không thống nhất theo yêu cầu của ông H là yêu cầu bà phải trả cho ông H tổng diện tích đất là 41,0m², thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 4 (Mảnh trích đo địa chính số: 74-2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H). Phần đất này hiện nay do bà đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần diện tích tranh chấp mà ông H tranh chấp với bà hiện nay là khu mộ của gia đình cha mẹ, ông bà của bà. Đồng thời bà không đồng ý đền bù cho ông H số tiền 3.000.000đ về việc ông H cho rằng bà đã đốn hạ trái phép 06 cây gạo và 01 cây me tây của ông H. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm. Bà không yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì thêm cho đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Ngọc H có đơn xin vắng mặt nhưng có bản khai trình bày như sau:* Nguồn gốc đất là của di sản bà là bà Nguyễn Thị A1 (đã mất năm 2014) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Sau khi di sản bà mất thì em bà (Nguyễn Thị Ngọc A) được quyền thừa kế tài sản

và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/01/2015. Theo biên bản đo đạc ngày 13/6/2006, có ông H ký tên cùng các hộ dân lân cận đã chứng minh được diện tích mà ông H nói là diện tích đất của gia đình bà chứ không phải đất của ông H và ông H cũng đã đồng ý giao trả đất nông nghiệp cho dì bà và dì bà hoàn trả số tiền do hai bên thỏa thuận, theo biên bản ngày 29/3/2007, diện tích ông H được sử dụng là 120m², còn phần diện tích 54m² thì Ủy ban nhân dân huyện H buộc ông H trả lại cho dì bà nên đã giải quyết xong. Cho nên bà H không thống nhất theo yêu cầu của ông H. Bà H cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì với ai trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trương Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng có bản khai trình bày như sau:* Ông có chôn nhờ hai ngôi mộ của cha mẹ ông trên đất của bà A. Nay giữa bà A và ông H xảy ra tranh chấp, ông không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này, giữa ông và bà A tự thỏa thuận giải quyết riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 6 và khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Dương Ngọc H và Ông Trương Văn T đều có đơn xin vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Cao Huỳnh H làm đơn khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc A giao trả lại cho ông phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 41,0m², thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 4 (Theo mảnh trích đo địa chính số: 74-2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H). Đồng thời ông H yêu cầu bà A phải bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ về việc Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã đốn hạ trái phép 06 cây gạo và 01 cây me tây của ông. Ông Cao Huỳnh H khẳng định chỉ khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc A trả đất và bồi thường thiệt hại về tài sản, ngoài ra ông không khởi kiện yêu cầu ai khác, vì phần đất này là của bà Nguyễn Thị A1, nhưng do bà A1 chết không chồng, không con, trong hộ bà

A1 chỉ có bà A, hiện nay bà A đang thừa kế đứng tên quyền sử dụng đất và là người duy nhất trọn quyền quyết định đối với phần đất này.

[3] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị A1 mua vào năm 1971 để làm nền mã cho ông bà của bà A1 và bà A có diện tích chiều ngang 15m, chiều dài 39,47m, tổng diện tích là 592,0m² tại các thửa đất bao gồm: thửa số 203, tờ bản đồ số 13; thửa số 771, tờ bản đồ số 4; thửa số 768, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp. Sau khi mua thì đến năm 2006 thì bà A1 mới tu bổ và sửa sang lại cho hoàn chỉnh để chôn cất ông bà. Năm 2014 thì bà A1 chết (bà A1 không có chồng và cũng không có con) để lại cho bà A thừa kế toàn bộ phần diện tích đất nói trên, bà A trực tiếp quản lý và toàn quyền quyết định, đứng tên quyền sử dụng, trong đó có phần đất tranh chấp với ông H hiện nay tại thửa số 768, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp.

[4] Xét yêu cầu của Ông Cao Huỳnh H về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc A giao trả lại cho ông phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 41,0m², thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 4. Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất 41,0m² không nằm trong phần đất mà năm 2006 ông H tranh chấp với bà Nguyễn Thị A1 cùng với 7 hộ dân khác. Phần tranh chấp trước đây đã được các bên thỏa thuận trả giá trị, theo đó bà Nguyễn Thị A1 cùng với 7 hộ dân khác đã trả giá trị cho Ông Cao Huỳnh H tương ứng với phần đất của từng người. Đối với bà Nguyễn Thị A1 trả giá trị cho ông H diện tích ngang 11m x dài 9,7m với số tiền 3.201.000đ; 13,3m² số tiền là 400.000đ và 800.000đ của phần diện tích 54m² mà Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết buộc ông H phải giao đất cho bà Nguyễn Thị A1 nhưng bà A1 vẫn trả giá trị đất trên cho ông H.

[5] Xét thấy, phần đất tranh chấp trước đây ngang 11m, nhưng theo đo đạc thực tế thì ngang là 10,8m, dài 3,8m. Trong phần đất này có một phần ngang 3,5m x dài 3,8m, mặc dù không nằm trong phần đất tranh chấp trước đây giữa bà A1 với ông H nhưng bà Nguyễn Thị A1 cũng đã tự nguyện trả giá trị cho Ông Cao Huỳnh H với số tiền 400.000đ, theo biên bản thỏa thuận giao đất nông nghiệp ngày 29/03/2007 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường L). Phần đất còn lại ông H đang tranh chấp với bà A ngang trước đây khoảng 7,5m (hiện nay là 7,3m) x dài 3,8m là đất của bà Nguyễn Thị A1, hiện nay là của bà Nguyễn Thị Ngọc A đang đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 203, tờ bản đồ số 13. Như vậy, trong phần đất tranh chấp này không có đất nào là của ông Cao Huỳnh H. Mặt khác, theo trình bày của những người làm chứng đã từng thỏa thuận trả giá trị đất cho ông H xác nhận, sau khi họ thỏa thuận mua đất của ông H (trong đó có bà Nguyễn Thị A1) thì từng

hộ dân sử dụng đất từ lộ làng ra đến đường nước công cộng (trước đây gọi là áp chiến lược) thì không có phần đất nào của Ông Cao Huỳnh H.

[6] Xét việc Ông Cao Huỳnh H cho rằng đất tranh chấp thuộc thửa 589 là của ông, nhưng theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị xã H tại văn bản số 972/UBND-HC ngày 17 tháng 8 năm 2018 thể hiện: “**1. Phần đất tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa số 768, tờ bản đồ số 40 do Bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nguồn gốc đất là nhận thừa kế từ hộ bà Nguyễn Thị A1), trước đó hộ bà Nguyễn Thị A1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm cấp giấy cho hộ bà A1 không phát sinh tranh chấp. 2. Thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4 không trùng với vị trí thửa 598, tờ bản đồ số 4 và theo bản đồ địa chính thửa số 598 hiện là số thửa bỏ. 3. Việc cấp giấy chứng nhận cho hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc A là đúng trình tự, thủ tục theo quy định (nguồn gốc đất là nhận thừa kế từ hộ bà Nguyễn Thị A1),...**”. Ngoài ra, tại văn bản số 287/UBND-HC ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường L xác định: “*Qua xem xét hồ sơ tranh chấp giữa 08 hộ dân với ông Cao Huỳnh H (S) vào năm 2006, thì phần đất ngang 3,5m, dài 3,8m, diện tích 13,3m² mà bà A1 đã trả giá trị đất cho ông S không có nằm trong phần đất ông S tranh chấp với bà Nguyễn Thị Anh. Phần đất còn lại ngang 7,5m, dài 3,8m (theo biên bản giao đất ngày 30/11/2006) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên, hiện trạng bà A đang sử dụng*”.

[7] Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định phần đất ông H tranh chấp với bà A gồm hai phần: Phần thứ nhất ngang 3,5m, dài 3,8m, diện tích 13,3m² mà bà A1 đã trả giá trị đất cho ông H, nhưng ông lại tiếp tục tranh chấp. Phần thứ hai, chiều ngang trước đây khoảng 7,5m (đo đạc thực tế là 7,3m) x dài 3,8m, diện tích 27,74m², tổng diện tích là 41,0m², theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thửa 768 là đất của bà Nguyễn Thị A1 để lại cho bà A chứ không phải thửa 598 mà ông H cho rằng của ông. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H không có chứng cứ gì khác chứng minh đất tranh chấp là của ông, nên chưa có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông.

[8] Đối với yêu cầu Ông Cao Huỳnh H về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải bồi thường cho ông số tiền 3.000.000đ về việc Bà Nguyễn Thị Ngọc A đã đốn hạ trái phép 06 cây gạo và 01 cây me tây của ông. Xét thấy, ông H cho rằng bà A1 và bà A đã đốn hạ 06 cây gạo và 01 cây me tây của ông, nhưng ông không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh bà A1 và bà A đốn cây của ông vào ngày, tháng, năm nào, vị trí các cây trồng trên đất của ai, khi bà A1 và bà A đốn cây thì chính quyền địa phương có lập biên bản không, hiện các cây trên do ai quản

lý...Trong khi đó bà A không thừa nhận bà đồn cây của ông H. Mặt khác, có đủ căn cứ chứng minh đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị A1, sau khi bà A1 chết thì bà A là người thừa kế đứng tên quyền sử dụng đất, tại đây không có giấy tờ gì chứng minh phần đất này của Ông Cao Huỳnh H. Cho nên, cũng không có căn cứ xác định trên đất tranh chấp có cây của ông H. Do ông H không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét theo yêu cầu của ông.

[9] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Dương Ngọc H cho rằng đất này là của dì bà là bà Nguyễn Thị A1, hiện nay do em bà là Nguyễn Thị Ngọc A quản lý và đứng tên quyền sử dụng đất. Cho nên bà H không thống nhất theo yêu cầu của ông H. Bản thân bà không có ý kiến hay tranh chấp gì với ai trong vụ án này. Bà chỉ mới về sống và nhập hộ khẩu chung với bà A vào năm 2018, còn phần đất là của bà A thừa kế từ bà A1 trước đó, nên bà không có quyền lợi gì trên phần đất này. Mọi quyết định do bà A toàn quyền, bà không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trương Văn T cho rằng ông có chôn nhờ hai ngôi mộ của cha mẹ ông trên đất của bà A, hiện nay do bà A trực tiếp quản lý, trông coi, chăm sóc toàn bộ khu mộ này. Nay ông H tranh chấp với bà A thì do bà A toàn quyền quyết định, ông không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ông Cao Huỳnh H không được chấp nhận nên Ông Cao Huỳnh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, Ông Cao Huỳnh H được thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về chi phí tố tụng: Ông Cao Huỳnh H phải chịu.

[12] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: không chấp nhận yêu cầu của Ông Cao Huỳnh H. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 170, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6, khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Cao Huỳnh H.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A được tiếp tục sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích là 41,0m², thuộc một phần thửa số 768, tờ bản đồ số 4, do Bà Nguyễn Thị Ngọc A đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khóm T, phường L, thị xã H, Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 1 qua mốc 4 là 10,80m;
- + Chiều ngang một cạnh từ mốc 2 qua mốc 3 là 10,80m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 1 đến mốc 2 là 3,80m;
- + Chiều dài một cạnh từ mốc 3 đến mốc 4 là 3,80m.

(Trong đó: Mốc 1: đo gờ về bên kia góc nền mộ của ô số 3 là 3,34m và đo gờ về bên kia góc nền mộ của ô số 2 là 3,34m; Mốc 2: đo gờ về góc nền mộ phía trong của ô số 3 là 3,40m và đo gờ về góc nền mộ phía trong phần đất không tranh chấp cạnh là 9,26m; Mốc 3: đo gờ về trụ đá bên phần đất giáp ranh là 1,25m và đo gờ về góc nền mộ phía trong phần đất không tranh chấp là 7,31m; Mốc 4: đo gờ về trụ đá bên phần đất giáp ranh phía trong là 1,25m và đo gờ về trụ đá giáp bên phía đường nước là 0,50m).

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số: 74-2018 ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H)

2/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- *Về án phí*: Ông Cao Huỳnh H thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Cao Huỳnh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 02551 ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã H.

- *Về chi phí tố tụng*: Tổng số tiền là 3.221.000đ, Ông Cao Huỳnh H phải chịu (đã nộp và đã chi xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm

